

Bản án số: 04/2020/DS-PT

Ngày 15- 01 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt.

Bà Tông Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân T Sơn La.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân T Sơn La tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân T Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-TC ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M S, T Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1949 và bà Đỗ Thị H sinh năm 1958. Địa chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót, huyện M S, T Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lò Văn T sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị H sinh năm 1966. Địa chỉ: Bản N L, xã Hát Lót, huyện M S, T Sơn La. Có mặt;

Anh Lò Văn TH sinh năm 1985 và chị Lò Thị V sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản N L, xã Hát Lót, huyện M S, T Sơn La. Anh TH có mặt, chị V vắng mặt và ủy quyền cho anh TH đại diện.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Lò Văn TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2018 và bản tự khai ngày 20/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Ngô Văn T và bà Đỗ Thị H trình bày như sau:

Do có mối quan hệ thân thiết với nhau từ trước nên ông bà có cho bố con ông Lò Văn T và anh Lò Văn TH cư trú tại bản Nậm Lạ, xã Hát Lót vay tiền với nhiều lần khác nhau, cụ thể như sau:

- Khoản vay đầu tiên chốt nợ tHnh giấy vay tiền ngày 05/11/2006: ông T trực tiếp ký giấy vay xác nhận vay số tiền 22.000.000 đồng. Thực tế đây là chốt nợ của ba lần vay từ trước là: ngày 13/11/2005, ông T và bà Hói (vợ ông T) vay 6.000.000 đồng; ngày 15/2/2006, ông T và bà Hói vay 3.000.000 đồng; ngày 01/5/2006, ông T và bà Hói vay 13.000.000 đồng - Các lần vay đều do ông T ký. Số tiền này đã trả lãi xong do anh TH và vợ là chị V trả.

- Khoản vay thứ hai là vào ngày 12/11/2006 anh TH (con trai ông T) có đến lấy 140 kg gạo nếp với giá 6.000 đồng/kg = 840.000 đồng; anh TH ký vay;

- Khoản vay thứ ba vào ngày 17/6/2007, ông T mua chiu 560 kg gạo nếp với giá 7.200 đồng/tháng = 4.032.000 đồng;

Ba khoản vay trên ngày 05/11/2007, hai bên đối chiếu nợ và chốt lại số tiền nợ là 35.094.400 đồng (ngày 01/11/2007 ông T bà Hói đã trả được 15.000.000 đồng, ngày 06/11/2007 trả thêm 1 triệu). Còn Nợ lại 19.094.000 đồng tính lãi 3%/tháng.

- Khoản thứ tư: Ngày 20/01/2008, ông T vay 1.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng.

- Khoản thứ năm: Ngày 21/01/2008 ông T vay 6.000.000 đồng để đi mua bò, lãi suất 3%/tháng.

- Khoản thứ sáu: Ngày 20/02/2008 ông T, bà Hói vay 8.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng.

- Khoản thứ bảy: Ngày 27/4/2008, ông T, bà Hói vay 2.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng.

- Khoản thứ tám: Ngày 02/6/2008 ông T, bà Hói vay 2.000.000 đồng lãi suất 4%/tháng.

- Khoản thứ chín: Ngày 07/7/2008 ông T bà Hói vay 2.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng.

- Khoản thứ mười: Ngày 18/8/2008, ông T bà Hói vay 2.000.000 đồng lãi suất 4%/tháng.

Tất cả các khoản vay ông T đều ký tên xác nhận nợ vay.

Do gia đình ông T không thanh toán được nên hàn g năm hai bên vẫn gắ p gờ để chốt nợ lại . Đến ngày 01/10/2011 hai bên chốt nợ viết thành Hợp đồng vay tiền mặt để phát triển sản xuất chăn nuôi . Chốt số tiền ông T, anh TH nợ ông T và bà Hà là 162.693.000 đồng lãi 3%/tháng, thế chấp bằng 2 ha đất nương ở bản Lọng Khoang, xã Hát Lót. Ông T cho rằng anh TH là con trai sống cùng bố mẹ tiền vay về sử dụng và o mục đích chung nên anh TH cũng phải có trách nhiệm trả nợ cùng ông T nên cả hai bố con cùng ký tên xác nhận vào giấy vay tiền.

Do ông T, anh TH không trả được nợ nên ngày 01/6/2013, ông lại vào nhà chốt nợ cùng bố con ông T số tiền nợ là 255.428.000 đồng lãi suất 1,5%/tháng, thế chấp bằng 2 ha đất nương tại bản Long Khoang, xã Hát Lót. Hai bên cùng lập thành hợp đồng vay tiền mặt và bố con anh TH, ông T đã ký xác nhận vào bên vay. Hẹn đến ngày 30/5/2014 sẽ trả đủ số tiền nợ trên. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng vay xong thì ông T có đi xin xác nhận của trưởng bản Nậm Lạ, xã Hát Lót lúc bấy giờ là ông Lò Văn Sam.

Do không trả được nợ như hợp đồng vay tiền ngày 01/6/2013 nên đến ngày 07/6/2014, ông T, anh TH xin khất nợ số tiền trên và đã ký xác nhận vào biên bản khất nợ do ông T lập. Bố con ông T xin khất nợ đến vụ mùa năm 2014-2015 sẽ thanh toán đủ số tiền nợ trên. Sau đó gia đình ông T tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; Do vợ chồng anh TH là con trai sống cùng bố mẹ tiền vay về sử dụng vào mục đích chung nên vợ chồng anh TH cũng có trách nhiệm trả nợ cùng ông T và giấy vay tiền được chốt lại năm 2014 đều có chữ ký của cả hai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc của tất cả các lần vay theo giấy vay nợ là 42.094.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ thời điểm cho vay cho đến nay. Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 112.127.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lò Văn T, bà Lò Thị H, anh Lò Văn TH và chị Lò Thị V trình bày như sau:

Ông T, bà H, anh TH và chị V xác nhận có việc vay tiền số tiền 22.000.000 đồng và việc ông T ký giấy vay nợ vào ngày 05/11/2006. Trong giấy vay tiền có ghi nợ là 22.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 3%/tháng hẹn đến mùa ngô trả. Còn nếu không trả thì bị phạt lãi quá hạn 5%. Tuy nhiên gia đình đã trả cho ông T, bà Hà bằng hai xe ngô vào tháng 10 năm 2008. Hai bố con cùng mấy anh em trong nhà đi cùng xe ngô ra ngoài nhà ông bà T, Hà để trả. Hai xe ngô khoảng 14 tấn có giá 3.500 đồng/kg. Hai bên không làm giấy tờ gì. Nhưng ông T, bà Hà nói là không đủ để trả. Năm 2008, hai vợ chồng anh TH, chị Vén trực tiếp mang 20.500.000 đồng trả cho ông T, bà Hà tại nhà. Hai ông bà T Hà xác nhận không còn nợ tiền nữa, nên vợ chồng TH Vén cũng tin tưởng không làm giấy tờ gì và đi về. Ngoài lần vay trên, gia đình ông bà không được vay bất cứ khoản vay nào khác của ông T, bà H.

Đến năm 2012, ông T vào nhà và nói gia đình còn nợ số tiền là 162.693.000 đồng và yêu cầu ký vào giấy vay tiền nhưng bố con không đồng ý và không ký tên vào giấy tờ nào cả. Ngày 01/6/2013 có việc ông T vào nhà yêu cầu nhận nợ số tiền 255.428.000 đồng nhưng bố con anh không đồng ý có nợ như vậy nên không ai ký tên. Ngoài chữ ký trong lần vay đầu tiên chốt nợ số tiền 22.000.000 đồng thì ông T và anh không vay nợ cũng không được ký bất cứ vào vào giấy tờ vay tiền hay ký sổ nhận nợ với ông T, bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 29/10/2019, Tòa án

nhân dân huyện M S, T Sơn La đã quyết định:

Áp dụng: Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 147, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H. Buộc đồng bị đơn Ông Lò Văn T, bà Hoàng Thị H và anh Lò Văn TH, chị Lò Thị V phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay và lãi là 109.349.764VNĐ (*Một trăm linh chín triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi tư đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên về án phí và quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/11/2019, anh Lò Văn TH là bị đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án về việc buộc gia đình anh phải trả cho ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H tiền gốc và lãi là 109.349.764 VNĐ với lý do trong quá trình vay nợ với ông T, bà H, gia đình đã trả được 02 xe ngô bắp 14 tấn vào tháng 10 năm 2008 với giá ngô bắp tại thời điểm đó là 3.500 đồng/kg nhưng ông T, bà H chưa tính đến và chưa trừ vào nợ gốc của gia đình. Ý kiến này đã được gia đình đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Lò Văn TH giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Nguyên đơn ông Ngô Văn T và bà Đỗ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Lò Văn TH và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa: Xét thấy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lò Văn TH - đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm

sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu ông Lò Văn T, bà Hoàng Thị H, anh Lò Văn TH, chị Lò Thị V phải thanh toán các khoản vay và lãi suất bao gồm:

- Khoản vay 22.000.000 đồng vào ngày 05/11/2006 với ông T (chốt vay của các lần vay 6.000.000 đồng ngày 13/11/2005; 3.000.000 đồng ngày 15/02/2006; 13.000.0000 đồng ngày 01/5/2006);

- Khoản vay 840.000 đồng vào ngày 12/11/2006 do anh TH (con trai ông T) đến lấy 140 kg gạo nếp với giá 6.000 đồng/kg ký chịu nợ.

- Khoản vay 4.032.000 đồng vào ngày 17/6/2007 do ông T mua chịu 560 kg gạo nếp với giá 7.200 đồng/kg;

- Khoản vay 1.000.000 đồng vào ngày 20/01/2008 do ông T vay;

- Khoản vay 6.000.000 đồng vào ngày 21/01/2008 do ông T vay;

- Khoản vay 8.000.000 đồng vào ngày 20/02/2008 do ông T, bà H vay;

- Khoản vay 2.000.000 đồng vào ngày 27/4/2008 do ông T, bà H vay;

- Khoản vay 2.000.000 đồng vào ngày 02/6/2008 do ông T, bà H vay;

- Khoản vay 2.000.000 đồng vào ngày 07/7/2008 do ông T, bà H vay;

- Khoản vay 2.000.000 đồng vào ngày 18/8/2008 do ông T, bà H vay.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa; xác nhận tính đến ngày 06/11/2007 ông T, bà H, anh TH, chị V đã thanh toán cho vợ chồng ông T, bà H tổng số tiền 16.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại, chốt nợ đến ngày 01/10/2011 là 42.094.000 đồng. Đây là số tiền gia đình ông T, bà H, anh TH, chị V vay để chi tiêu và sử dụng chung trong gia đình, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định nợ chung là đúng.

Xét thấy, tại Biên bản làm việc ngày 8/12/2017, gia đình ông T, anh TH vẫn thừa nhận nghĩa vụ trả nợ cho gia đình ông T, bà H. Do đó, theo quy định của Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 thì ông T bà H vẫn còn thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và xác định vẫn còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn TH

Anh Lò Văn TH là bị đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc gia đình anh phải trả cho ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H tiền gốc và lãi là 109.349.764 VNĐ với lý do trong quá trình vay nợ với ông T, bà H thì tháng 10 năm 2008 gia đình anh đã trả được 02 xe ngô bắp 14 tấn với giá tại thời điểm đó là 3.500 đồng/1 kg nhưng ông T, bà H chưa tính đến và chưa trừ vào nợ gốc của gia đình. Ngoài lời khai, gia đình anh TH không có căn cứ chứng minh đã thanh toán nợ gốc bằng 02 xe ngô. Mặt khác, sau đó ngày

01/10/2011 gia đình anh TH lại chốt nợ với gia đình ông T số tiền là 162.693.000đ, chuyển lập Hợp đồng vay tiền mặt để phát triển sản xuất và chăn nuôi. Xác nhận ông T, anh TH vay ông T và bà Hà là 162.693.000 đồng lãi 3%/tháng, anh TH và ông T cùng ký tên xác nhận vào giấy vay tiền.

Căn cứ vào các lần vay tiền, thanh toán tiền giữa các bên và kết quả giám định chữ ký trên các hợp đồng vay tiền; xác định gia đình ông T, anh TH còn nợ gia đình ông T, bà H số tiền nợ gốc là 42.094.000 đồng.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh TH, cần giữ nguyên án sơ thẩm buộc các đồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 42.094.000 đồng (*Bốn hai triệu không trăm chín tư nghìn đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*Về lãi suất: Theo nội dung các hợp đồng vay tiền, các bên có thống nhất lãi suất tính từ 3% đến 4%. Tuy nhiên, thỏa thuận này không phù hợp với quy định về lãi suất quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, bà H đề nghị thay đổi tính lãi suất theo quy định của pháp luật, tương ứng với thời gian vay nợ. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định 2868/QĐ-NHNN của Ngân Hng NH nước để xác định mức lãi suất; tương ứng với số tiền gốc 42.094.000 đồng (*Bốn hai triệu không trăm chín tư triệu đồng*) và thời gian vay để xác định số tiền lãi gia đình ông T, bà H, anh TH, chị V phải trả cho gia đình ông T, bà H là 67.255.000 đồng (*Sáu bảy triệu hai trăm lăm lăm nghìn đồng - đã làm tròn số*). Tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là: 109.349.000 đồng (*Một trăm linh chín triệu ba trăm bốn chín nghìn - đã làm tròn số*) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh Lò Văn TH phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn TH, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M S, T Sơn La như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H. Buộc các đồng bị đơn ông Lò Văn T, bà Hoàng Thị H và anh Lò Văn TH, chị Lò Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H số tiền gốc là 42.094.000 đồng (*Bốn hai triệu không trăm chín tư nghìn đồng*) và số tiền lãi là 67.255.000 đồng (*Sáu bảy triệu hai trăm lăm lăm nghìn đồng - đã làm tròn số*). Tổng số tiền phải thanh toán là 109.349.000VNĐ (*Một trăm linh chín triệu ba trăm bốn chín nghìn đồng*).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành xong các khoản tiền, bên phải thi Hành án còn phải chịu một

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi Hình án”

2. Về án phí:

- Anh Lò Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0004102 ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện M S, T Sơn La.

- Buộc các đồng bị đơn ông Lò Văn T, bà Hoàng Thị H và anh Lò Văn TH, chị Lò Thị V có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.469.000đ và phải trả cho nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H 10.500.000đ tiền lệ phí giám định.

- Nguyên đơn ông Ngô Văn T, bà Đỗ Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.385.000đ theo biên lai số: AA/2016/0001818 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện M S.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự. Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự”

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/01/2020).

Nơi nhận:

- VKSND T Sơn La;
- TAND huyện M S;
- Chi cục THADS huyện M S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Quản Hữu Chiến

